

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/DS-PT
Ngày 27 - 12 - 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Khang
Bà Nguyễn Thị Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 176/2022/TLPT-DS ngày 11/11/2022 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1985, (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952, (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1979, (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Lưu Thị C, sinh năm 1986, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952.

3.2. Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1987, (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3.3. Anh Đỗ Văn G, sinh năm 1980, (có mặt)

3.4. Chị Võ Thị Yến L, sinh năm 1982, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3.5. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1968, (vắng mặt)

3.6. Bà Phạm Thúy K, sinh năm 1972, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

3.7. Ủy ban nhân dân xã V

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc Th – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2021, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị C là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Năm 1990 bà Nguyễn Thị N nhận chuyển nhượng của ông Mai Văn C, hiện trạng đất khi nhận chuyển nhượng của ông C giáp ranh với phần đất còn lại của ông C, sau đó ông C cho lại con là Mai Văn R, sau đó anh R chuyển nhượng lại cho ông C1, ông C1 chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Nh, bà Nh chuyển nhượng lại cho ông Phạm Công Đ, ông Đ chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T1, ông T1 chuyển nhượng lại cho ông Đỗ Văn G, ông G chuyển nhượng lại cho bà Nh, bà Nh chuyển nhượng lại cho anh H và chị T sử dụng cho đến nay. Tuy qua nhiều lần chuyển nhượng đất nhưng ông T1 là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay anh Đỗ Văn G là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh H, chị T sử dụng. Sau khi chuyển bà N cho lại vợ chồng anh B, chị C quản lý, sử dụng. Đến năm 2004 anh B kê khai, đăng ký đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2019 anh B thuê xáng cuộc làm bờ ao thì vợ chồng anh Nguyễn Hoàng H và chị Nguyễn Kim T ra ngăn cản cho rằng phần đất này là của vợ chồng anh H, nên hai bên phát sinh tranh chấp. Nay anh B khởi kiện yêu cầu anh H, chị T giao trả phần đất ranh ngang 1,8m, dài 60m, qua đo đạc thực tế phần đất tranh chấp diện tích 180m², nên anh B yêu cầu anh H, chị T giao trả phần đất diện tích 180m².

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim T thống nhất trình bày: Về nguồn gốc phần đất anh, chị đang trực tiếp sử dụng (trong đó có một phần đất tranh chấp), do anh, chị nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Nh từ năm 2010, tại thời điểm chuyển nhượng bà Nh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi chuyển nhượng chỉ lập giấy tay đề ngày 20/7/2010 và bà Nh giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh G đứng tên cho anh, chị giữ, anh, chị quản lý, sử dụng. Trong thời gian sử dụng đất, giữa anh, chị và anh B thống nhất cắm hai trụ đá ở phía giáp lộ và giáp

sông để làm ranh, đến năm 2019, khi anh không có ở nhà thì anh B tự ý nhỏ bỏ trụ đá ở phía trên lộ và lấn sang phần đất của anh, nên phát sinh tranh chấp, anh H đã nhiều lần yêu cầu ông G làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng cho anh nhưng, ông G cứ hứa hẹn mà không thực hiện, nên anh, chị chưa kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất được. Nay anh, chị xác định phần đất tranh chấp do anh, chị nhận chuyển nhượng của bà Nh và anh, chị quản lý, sử dụng từ năm 2010 đến nay, nên không đồng ý giao trả phần đất tranh chấp cho anh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thúy K thông nhất trình bày: Trước đây ông, bà có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Công Đ một phần đất, ông, bà không nhớ chuyển nhượng vào thời gian nào, diện tích, giá là bao nhiêu. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông bà quản lý, sử dụng đến năm 2003 kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2007 ông, bà chuyển nhượng lại cho ông Đỗ Văn G toàn bộ phần đất mà ông bà đã nhận chuyển nhượng từ ông Đ. Sau này, ông, bà biết ông G có chuyển nhượng lại phần đất này cho bà Nguyễn Thị Nh, sau đó bà Nh chuyển nhượng lại cho vợ chồng chị T, anh H. Việc chuyển nhượng đất giữa các bên cụ thể như thế nào ông, bà không biết cụ thể. Đối với diện tích qua đo đạc 98,3m² cơ quan chuyên môn xác định do ông T1 đứng tên thì ông bà không biết, vì ông, bà không còn phần đất nào ở vị trí này, ông bà cũng không có yêu cầu gì đối với phần đất này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn G trình bày: Trước đây, ông có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T1 một phần đất nhưng không biết rõ diện tích cụ thể là bao nhiêu, do khi chuyển nhượng hai bên không đo đạc thực tế mà chuyển nhượng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T1 là 13,100m², sau khi nhận chuyển nhượng đất ông kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 13.100m². Đến năm 2010 ông chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Nh phần đất diện tích 8,300m² với số tiền 130.000.000 đồng, việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay, cũng không có đo đạc, sau đó bà Nh chuyển nhượng lại cho anh H. Hiện ông vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Hiện trạng phần đất khi ông nhận chuyển nhượng của ông T1 có một cái bờ nhỏ từ mé lộ đi xuống sông. Tuy nhiên, do lâu quá, hiện trạng đất do các bên cải tạo nên ông không biết chính xác cái bờ đi xuống sông lúc trước. Nay ông xác định đã chuyển nhượng đất cho bà Nh và bà Nh cũng đã giao đủ tiền cho ông, ông cũng đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nh giữ, còn việc bà Nh chuyển nhượng lại cho ai và có tranh chấp như thế nào thì ông không có liên quan cũng như không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày: Việc cơ quan chuyên môn kết luận trong phần đất tranh chấp giữa anh B và anh H có một phần diện tích 78,9m² nằm trong thửa S1, tờ bản đồ số 01 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. Nay UBND xã V có ý kiến như sau: Diện tích đất này hiện các đương sự đang quản lý, sử dụng thì tiếp tục sử dụng, khi nào nhà nước có chủ trương thu hồi, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất nêu trên thì sẽ thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai. Ngoài ra, UBND xã V không có ý kiến gì.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Không chấp nhận khởi kiện của anh Nguyễn Văn B yêu cầu anh Nguyễn Hoàng H giao trả phần đất lấn chiếm có tổng diện tích 180m², (có tuyên vị số, số đo các cạnh kèm theo), theo bản đồ địa chính lập năm 1993 thuộc thửa 85 do anh Đỗ Văn G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tranh chấp tọa lạc tại: ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 26/9/2022 nguyên đơn anh Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc anh H giao trả phần đất lấn chiếm diện tích đo đạc thực tế 180m². Tại phiên tòa, anh B và người đại diện theo ủy quyền của anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu tranh luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn B không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của mình, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn B, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về mối quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi lại quyền sử dụng đất, nên đây là vụ án tranh chấp về đất đai, theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do tranh chấp về đất đai và phần đất tranh chấp tọa lạc tại xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn luật định; hình thức và nội dung đơn được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn B yêu cầu anh Nguyễn Hoàng H giao trả phần đất diện tích 180m², thuộc một phần thửa 132, 134 và thửa S1, tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[2.1] Căn cứ biên bản đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/8/2022, phần đất tranh chấp có vị trí, số đo các cạnh như sau:

Cạnh hướng Đông giáp sông Cái Tàu có số đo 9,7m

Cạnh hướng Tây giáp DT 978 Cầu Sập – Ninh Quới- Ngan Dừa – Vĩnh Lộc A có số đo 1,8m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất tranh chấp có số đo 48,2m

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất không tranh chấp của anh Nguyễn Hoàng H có số đo 38m + 7,2m + 8,1m.

Hiện trạng trên thửa đất tranh chấp thứ nhất tại thời điểm khảo sát có 02 cây tràm đà lạt, diện tích lá dừa nước giáp sông 60m². Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ bà N người đại diện cho anh B xác định cây tràm và lá dừa nước là do bà trồng, anh H xác định do các chủ đất trước trồng.

[2.2] Theo mảnh trích đo địa chính số 52-2022 và phụ chú kèm theo mảnh trích đo, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác định:

- Theo hồ sơ địa chính xã V thành lập năm 2009: Diện tích 98,3m²: Nằm trong thửa 132, tờ bản đồ số 01 do ông Nguyễn Văn T1 đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. Diện tích 2,8m²: Nằm trong thửa 134, tờ bản đồ số 01 do ông Nguyễn Văn B đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. Diện tích 78,9m²: Nằm trong thửa S1, tờ bản đồ số 01 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

- Theo hồ sơ địa chính UBND xã V thành lập năm 1993: Phần đất tranh chấp diện tích 180m² nằm trong thửa 85, tờ bản đồ số 03 do ông Đỗ Văn G đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, nguồn gốc đất do bà N nhận chuyển nhượng của ông Mai Văn C, ranh đất giáp với phần đất còn lại của ông Mai Văn C, trong quá trình sử dụng anh Nguyễn Văn B kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/7/2004, diện tích 17.900m², tại các thửa 87, 89, tờ bản đồ số 03, theo bản đồ địa chính lập năm 1993. Theo khoản 1 Điều 91 Bộ

luật Tố tụng dân sự quy định: “1. *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,...*”. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh B cũng như bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp là ranh đất khi bà N nhận chuyển nhượng của ông C, quá trình sử dụng và kê khai, đăng ký, theo cơ quan chuyên môn xác định phần đất tranh chấp diện tích 180m² không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh B đứng tên. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, phần đất tranh chấp do anh H quản lý, sử dụng nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông G đứng tên. Theo ông T1, bà K, ông G, bà N và ông Phạm Công Đ là những người sử dụng phần đất trước đây cũng không xác định được hiện trạng ranh đất giáp với đất của anh B, do quá trình chuyển nhượng, sử dụng đất đã làm thay đổi hiện trạng ranh đất, không còn hiện trạng ranh đất như trước đây. Do đó, không có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh B, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B là có căn cứ.

Đối với phần đất diện tích 78,9m² thuộc thửa S1, tờ bản đồ số 01 nằm trong diện tích tranh chấp 180m² chưa có tên trên sổ mục kê và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào, theo UBND xã V xác định, phần đất này thuộc quyền quản lý của UBND xã V. Tuy nhiên, hiện do các đương sự đang quản lý, sử dụng thì tiếp tục sử dụng. Khi nào nhà nước có chủ trương thu hồi, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất nêu trên thì sẽ thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm anh Nguyễn Văn B phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DSST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 147, 157; 158; 165; khoản 2 Điều 244; Điều 294; Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn B đòi anh Nguyễn Hoàng H giao trả phần đất tranh chấp đo đạc thực tế diện tích 180m², theo bản đồ địa chính lập năm 2009 tại thửa 132, 134 và thửa S1; theo bản đồ địa chính lập năm 1993 tại thửa 85, tờ bản đồ số 03 do anh Đỗ Văn G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất có vị trí, số đo các cạnh như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp sông Cái Tàu có số đo 9,7m
- Cạnh hướng Tây giáp ĐT 978 sông Ngan Dừa – Vĩnh Lộc A có số đo 1,8m
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất anh Bằng có số đo 48,2m
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất không tranh chấp của anh Nguyễn Hoàng H có số đo 38m + 7,2m + 8,1m.

Mã trích đo địa chính số 52-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H lập năm 2022 được kèm theo bản án và là bộ phận không thể tách rời của Bản án

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

2.1. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là 2.593.144 đồng. Anh Nguyễn Văn B phải chịu toàn bộ, anh Nguyễn Văn B đã nộp xong.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), anh Nguyễn Văn B đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ, theo biên lai thu số 0005970 ngày 18//11/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

2.3. Án án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ, anh Nguyễn Văn B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0006475 ngày 26/9/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn